

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đình Thành, ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐ-HPT ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-6-2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H trình bày:**

Chị Đặng Thị Thanh H và anh Bùi Văn N (sau đây gọi là chị H, anh N) tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2020 ngày 06/11/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng đến năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong lời nói, kể từ giữa năm 2021 thì chị H và anh N đã không còn

chung sống với nhau nữa. Hiện mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị H và anh N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Bùi Văn N:**

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Văn N đã được Tòa án thông báo nhưng anh N không hợp tác để giải quyết vụ việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do.

** Nội dung các bên thống nhất:* Không

** Nội dung các bên không thống nhất:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N vắng mặt, nên không thống nhất được nội dung vụ án về quan hệ hôn nhân.

Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H và bị đơn anh Bùi Văn N đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Bùi Văn N không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H và bị đơn anh Bùi Văn N theo quy định.

Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Giao kết này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng trong lời nói. Do mâu thuẫn kéo dài, ngày càng lớn và không thể hàn gắn được. Lời trình bày của nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H phù hợp với Biên bản xác minh ngày 14/7/2021 tại địa phương.

Về hòa giải đoàn tụ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được, do anh Bùi Văn N vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ anh Bùi Văn N đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hòa giải và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm giữa chị Đặng Thị Thanh H và anh Bùi Văn N không còn, đời sống chung không tồn tại, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H đối với bị đơn anh Bùi Văn N.

[4] *Về con chung*: Chị Đặng Thị Thanh H và anh Bùi Văn N không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn anh Bùi Văn N không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh N. Xét thấy, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thanh H được ly hôn với anh Bùi Văn N.
2. Về cấp con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.
3. Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007251 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND phường Thác Mơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Phán